

Bản án số: 107/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/08/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Tô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Vân Anh.

Ngày 21 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2025/QĐXX-ST ngày 30/06/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/07/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thu U, sinh ngày 17/7/1999 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024199004153

Nơi cư trú: thôn Y, xã H, tỉnh N. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Chị U ủy quyền giao nhận tài liệu với Tòa án cho chị Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 2000; Nơi cư trú: thôn D, xã B, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Ngô thế H, sinh ngày 17/8/1999 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024099007719

Nơi cư trú: thôn Y, xã H, tỉnh N. Anh H đang chấp hành án tù tại trại giam T– Bộ Công an

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Văn S, sinh năm 1965 (vắng mặt)

- Bà Bà T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã H, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thu U trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh B (nay là xã H, tỉnh N). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận nhưng đến đầu năm 2023 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong quản điểm sống, nuôi dạy con. Cuối năm 2023 anh H vi phạm pháp luật nên phải chấp hành án tại trại giam T, Bộ Công an. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên sau khi anh H đi chấp hành án chị đi lao động tại C. Kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Ngô thế H.

Về con chung: chị và anh H có 01 con chung là cháu Ngô Q, sinh ngày 22/01/2022. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng ông S, bà T (ông bà nội). Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu Q cho ông bà nội nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Ngô thế H (có xác nhận của Trại giam Thanh Lâm – Bộ Công an) trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2022 anh và chị U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh). Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc nhưng đến năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Phạm Thu U.

Về con chung: anh, chị U có 01 con chung là cháu Ngô Q, sinh ngày 22/01/2022. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng ông S, bà T (ông bà nội). Sau khi ly hôn anh đề nghị giao cháu Q cho ông bà nội nuôi dưỡng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn S, bà Bà T trình bày: Ông, bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho anh H cho đến khi anh H chấp hành xong hình phạt. Ông, bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q từ khi trước cho đến nay và trong thời gian tới vừa là quyền cũng như nghĩa vụ của ông bà đối với con cháu nên không yêu cầu anh H, chị U phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q.

Tại phiên tòa, chị U, anh H, ông S, bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự

khai của chị U, anh H, biên bản lấy lời khai ông S, bà T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu U; xử:

Về hôn nhân: chị Phạm Thu U được ly hôn anh Ngô thế H.

Về con chung: Giao cháu Ngô Q cho anh Ngô thế H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Q cho ông S, bà T nuôi dưỡng cho đến khi anh H chấp hành xong hình phạt tù.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, công nợ chung: Do chị U, anh H, ông S, bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Phạm Thu U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị U khởi kiện xin ly hôn anh H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo công văn số 544/QLXNC ngày 14 tháng 08 năm 2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Bắc Ninh xác định chị U hiện đã xuất nhập cảnh 25 lần, nhập cảnh gần nhất ngày 27/05/2025, hiện chưa có thông tin xuất cảnh. Thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết chị U được xác định đang cư trú tại nước ngoài, anh H là bị đơn có hộ

khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Ninh. Do đó, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chị U về nước sau khi Tòa án thụ lý giải quyết không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị U và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh B (nay là xã H, tỉnh N). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị U với anh H, Hội đồng xét xử thấy: Tại bản tự khai chị U, anh H khai sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận sau đó đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ đó, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh H, chị U không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U với anh H là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về con chung: Chị U và anh H có 01 con chung là cháu Ngô Q, sinh ngày 22/01/2022. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng ông Tám, bà Sơn (ông bà nội). Sau ly hôn chị U, anh H đều đề nghị giao cháu Q cho ông bà nội là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S, bà T đồng ý nuôi cháu Q cho anh H.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị U, Hội đồng xét xử thấy: chị U hiện nay đang lao động tại nước ngoài, anh H đang chấp hành hình phạt tù nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, bố mẹ anh H là ông S, bà T đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q thay anh H cho đến khi anh H chấp hành xong hình phạt tù. Mặt khác, thực tế cháu Q hiện nay đang sinh sống cùng ông S, bà T từ khi anh H đi chấp hành án, chị U đi nước ngoài lao động cho đến nay, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu Q cho anh H tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn nhưng tạm giao cho ông S, bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H chấp hành xong hình phạt tù là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thu U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Phạm Thu U về nước sinh sống có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị U, anh H, ông S, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q từ khi anh H đi chấp hành án, chị U đi lao động nước ngoài cho đến nay: Ông S, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị U, anh H, ông S, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thu U phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

[10]. Về quyền kháng cáo: Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, chị U, anh H, ông S, bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu U.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thu U được ly hôn anh Ngô thế H.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Q, sinh ngày 22/01/2022 cho anh Ngô Văn Hưng là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay

đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho ông Ngô Văn S, bà Bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh Ngô thế H chấp hành xong hình phạt tù.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thu U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thu U phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000176 ngày 14/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận chị Phạm Thu U đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thu U, anh Ngô thế H, ông Ngô Văn S, bà Bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương